

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

Tháng 01 năm 2015

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01 ước tính bằng 88,2% so tháng trước, đây là quy luật của hầu hết các năm, tháng đầu tiên năm sau đều giảm mạnh so với tháng cuối năm trước. Chỉ số sản xuất của nhiều ngành giảm chỉ có một số ngành có chỉ số sản xuất tăng so tháng trước: sản xuất xe có động cơ (+11,6%); hoạt động thu gom rác (+6,3%); sản xuất đồ uống (+3,3%). Nhiều ngành giảm mạnh: sản xuất hóa chất (-34,4%); in (-28,4%); sản xuất kim loại (-25,1%); sản xuất thiết bị điện (-23,4%); sản xuất sản phẩm điện tử (-15,8%); trang phục (-15,7%); dệt (-12,3%);...

Tuy nhiên **chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 1 ước tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2014** do năm trước tụt rơi một phần vào tháng 1, thời gian sản xuất tháng 1 năm nay nhiều hơn. Trong đó ngành công nghiệp khai khoáng tăng 23,9%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,0%; sản xuất phân phối điện tăng 11,8%; sản xuất và phân phối nước tăng 13,6%. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 1/2015 so với tháng 12/2014	Tháng 1/2015 so với tháng 1/2014
Tổng số	88,2	109,2
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai thác mỏ	90,5	123,9
2. Công nghiệp chế biến	88,0	109,0
3. SX và phân phối điện	97,7	111,8
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	100,6	113,6
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	88,8	106,0
2. Sản xuất đồ uống	103,3	105,5
3. Sản xuất trang phục	84,3	107,1
4. Sản xuất da và SP liên quan	98,3	107,2
5. SX hóa chất và SP hóa chất	65,6	118,1
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	89,6	115,2
7. SP. từ khoáng phi kim loại	84,9	169,2
8. Sản xuất SP điện tử	84,2	103,3
9. Sản xuất thiết bị điện	76,6	116,3
10. Sản xuất xe có động cơ	111,6	77,5

Theo ngành công nghiệp cấp 2, có 21/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó những ngành có chỉ số sản xuất tăng cao như: sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+69,2%); sản xuất phương tiện vận tải khác (+42,8%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+42,4%); sản xuất kim loại (+34,2%); sản xuất hóa chất (+18,1%); sản xuất thiết bị điện (+16,3%); sản xuất thuốc (+14,8%); sản xuất giấy (+14,7%); dệt (+13,3%)... Một số ngành có mức tăng khá: sản xuất da (+7,2%); sản xuất trang phục (+7,1%); chế biến thực phẩm (+6,0%); sản xuất đồ uống (+5,5%)... Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm là: sản xuất sản phẩm điện tử (+3,3%); thuốc lá (+2,8%); in ấn (-2,9%); sản xuất xe có động cơ (-22,5%); sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (-27,4%)...

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 01 giảm 13,4% so với tháng trước; so với tháng 1/2013 tăng 10,0% bao gồm: ngành chế biến lương thực, thực phẩm tăng 5,7%, hóa dược cao su tăng 15,7%, điện tử tăng 3,3% và cơ khí chế tạo tăng 20,8%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2014 tăng 9,3% so với tháng trước và tăng 17,0% so tháng cùng kỳ năm 2013. Tính chung cả năm, chỉ số tiêu thụ tăng 8,4% so với năm trước. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ trong năm tăng cao so với năm 2013: sản xuất xe có động cơ; sản xuất phương tiện vận tải khác; kim loại; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; giấy; thuốc; da; trang phục; sản phẩm điện tử; thiết bị điện;... Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp: sản xuất thiết bị điện; hóa chất; sản phẩm từ cao su và plastic; dệt; sản xuất đồ uống ...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/01 giảm 6,7% so với cùng thời điểm năm trước. Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm: sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; sản xuất phương tiện vận tải khác; sản xuất da;... Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng: sản xuất thuốc; giấy; dệt; trang phục; ...

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Trồng trọt (vụ đông xuân 2014-2015)

Lúa đên nay đã xuống giống 3.448 ha, bằng 88,3% so cùng kỳ năm trước; trong đó, huyện Củ Chi 2.620 ha, huyện Hóc Môn 332 ha,... Rau 4.119 ha, tăng 5,9% (huyện Củ Chi 1.446,6 ha, Bình Chánh 939 ha,...).

Tình hình sinh vật gây hại: lúa 640,4 ha, thấp hơn 25% so với cùng kỳ năm trước; rau 828,5 ha, cao hơn 1,3%.

2. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 1 ước đạt 6.396 tấn, tăng 14,3% so với cùng kỳ. Trong đó sản lượng tôm 1.736 tấn, tăng 17,6%; cá 2.356 tấn, tăng 2,9% và thủy sản các loại khác 2.304 tấn, tăng 25,9%. Sản lượng nuôi trồng ước đạt 4.356 tấn, tăng 24,4% so cùng kỳ; khai thác 2.040 tấn, giảm 3,4%.

Tình hình thả nuôi tôm (tại huyện Cần Giờ): tính đến ngày 4/1/2015, đã có 302 lượt hộ thả nuôi với 15,1 triệu con tôm sú giống trên diện tích 2.884 ha; tôm thẻ chân trắng 282 lượt hộ thả nuôi với 95,9 triệu con giống trên diện tích 193,5 ha.

Trong tháng có 59 lượt hộ nuôi có tôm bị bệnh trên diện tích 35,6 ha làm thiệt hại 17,9 triệu con giống. Có 49 hộ với 29,2 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

III. ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Vốn xây dựng thuộc ngân sách thành phố tháng 01 ước thực hiện 540,1 tỷ đồng, tăng 4,6% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 268,2 tỷ đồng, chiếm 49,7%; cấp quận huyện ước thực hiện 271,9 tỷ đồng, chiếm 50,3%.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách địa phương

	Thực hiện tháng 1 (tỷ đồng)	So với tháng 1/2014 (%)
Tổng vốn đầu tư	540,1	104,6
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	45,2	85,6
Cấp thành phố	268,2	161,3
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	45,2	85,6
Cấp quận huyện	271,9	77,7
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	-	-

Khối lượng thực hiện trong tháng chủ yếu là các dự án chuyển tiếp của năm trước chuyển qua, tập trung ở các dự án cầu đường và các dự án thoát nước.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

- Dự án đường vành đai Tân Sơn Nhất - Bình Lợi – Vành đai ngoài (Phạm Văn Đồng): Hiện còn vướng giải tỏa đoạn đầu tuyến từ đường Trường Sơn đến Nguyễn Thái Sơn. Đang thi công đoạn cuối tuyến từ ngã ba Linh Đông đến nút giao thông Linh Xuân.

- Dự án đường cao tốc TP. HCM – ngã ba Dầu Giây, hiện đã thông xe đoạn đầu tuyến từ ngã ba An Phú - Quận 2 nối với đại lộ Đông Tây (Mai Chí Thọ) đến Quốc lộ 51 đi Vũng Tàu.

- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: đang thi công nền móng đoạn từ quận 2 đến quận Thủ Đức và cầu qua sông Sài Gòn.

2. Cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài

Trong 15 ngày đầu năm 2015, đã có 6 quốc gia và vùng lãnh thổ với 20 dự án được cấp chứng nhận đầu tư trên địa bàn thành phố, vốn đăng ký đạt 328,4 triệu USD (vốn điều lệ 52,1 triệu USD); trong đó dự án Cty TNHH Worldon (Việt Nam), vốn đầu tư đạt 300 triệu USD, chiếm 91,3% tổng vốn cấp mới

Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 16 dự án, vốn đầu tư 322,6 triệu USD; liên doanh 4 dự án, vốn đầu tư 5,8 triệu USD.

Chia theo ngành nghề đầu tư: công nghiệp 3 dự án, vốn đầu tư 301,1 triệu USD (chiếm 91,7%); thương nghiệp 7 dự án, vốn đầu tư 15,8 triệu USD; thông tin truyền thông 3 dự án, vốn đầu tư 6,5 triệu USD; Hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ 2 dự án, vốn đầu tư 3,2 triệu USD; xây dựng 3 dự án, vốn đầu tư 1,1 triệu USD;...

Chia theo đối tác đầu tư: British Virgin Islands 3 dự án, vốn đầu tư 305,3 triệu USD; Nhật Bản 5 dự án, vốn đầu tư 14,2 triệu USD; Hàn Quốc 6 dự án, vốn đầu tư 4,9 triệu USD; Singapore 4 dự án, vốn đầu tư 2,7 triệu USD; Thái Lan 1 dự án, vốn đầu tư 700 ngàn USD; Ấn Độ 1 dự án, vốn đầu tư 600 ngàn USD.

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư 6 dự án, số vốn tăng 24,7 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh trong 15 ngày đầu năm đạt 353,1 triệu USD** (cùng kỳ năm trước 20,3 triệu USD).

3. Doanh nghiệp thành lập mới

15 ngày đầu năm (từ 1/1/2015 đến 15/1/2015) có 944 doanh nghiệp được cấp phép thành lập với tổng số vốn đăng ký 3.760 tỷ đồng, so với cùng kỳ giảm 14,6% về số lượng doanh nghiệp và giảm 37,9% về vốn. Trong đó khu vực nông lâm thủy có 4 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 96 tỷ, khu vực công nghiệp xây dựng 217 doanh nghiệp (giảm 17,2%) với vốn đăng ký 1.563 tỷ đồng (tăng 8,8%), khu vực dịch vụ 723 doanh nghiệp (giảm 13,1%) với 2.101 tỷ đồng (giảm 54,2%).

IV. NỘI THƯƠNG – GIÁ CẢ

1. Nội thương

Tháng 1 năm nay là thời điểm bắt đầu cho mua sắm đón Tết Ất Mùi, sức mua đang bắt đầu tăng dần và cao điểm sẽ là khoảng cuối tháng 1 và trong nửa đầu của tháng 2. Một số mặt hàng phục vụ cho nhu cầu Tết tăng cao so cùng kỳ: hàng may mặc tăng 8,9%, đồ dùng trang thiết bị gia đình tăng 11,3%, đồ gỗ và vật liệu xây dựng tăng 31,3%, phương tiện đi lại tăng 26,2%, sửa chữa xe có động cơ tăng 11,2%...

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 1 ước đạt 67.573 tỷ đồng, tăng 5,4% so với tháng trước (12/2014). Trong đó: khu vực nhà nước chiếm 14,9%, tăng 5,6%; Khu vực ngoài nhà nước chiếm 80,5%, tăng 5,5% và khu vực có vốn nước ngoài 4,6%, tăng 4,3%.

So với cùng kỳ (1/2014), tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 13,2%, loại trừ yếu tố giá tăng 12,3%; Khu vực kinh tế trong nước tăng 13,1% và khu vực kinh tế có vốn nước ngoài tăng 15,3%.

- Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 52.070 tỷ đồng, chiếm 77,1% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 14% so cùng kỳ, loại trừ giá tăng 16,5%.

- Doanh thu khách sạn nhà hàng ước đạt 6.635 tỷ đồng, chiếm 9,8%, tăng 5,1%.

- Doanh thu dịch vụ lữ hành 1.321 tỷ đồng, chiếm 2%, giảm 3,4%.

- Doanh thu dịch vụ khác 4.117 tỷ đồng, chiếm 6,1%, tăng 18,5%

Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện tháng 1/2015 (tỷ đồng)			% so sánh với tháng 1/2014		
	Trên địa bàn	K.tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN
Tổng mức	67.573	64.512	3.061	113,2	113,1	115,3
Tr.đó: Thương nghiệp	52.070	50.780	1.291	114,0	114,4	101,6
Khách sạn	631	387	245	103,7	117,9	87,0
Nhà hàng	6.003	5.572	432	105,2	101,7	191,9
Dịch vụ lữ hành	1.321	1.203	118	96,6	97,0	92,9

* Về kinh doanh du lịch:

Doanh thu khách sạn và dịch vụ lữ hành trong tháng 1 ước tính đạt 1.953 tỷ đồng, giảm 1,5% so tháng trước. So với cùng kỳ giảm 1,2%, trong đó khách sạn tăng 3,7%, lữ hành giảm 3,4%. Thành phố đã tổ chức nhiều lễ hội, nhiều hoạt động thu hút du khách vào dịp tết dương lịch, tuy nhiên do là thời điểm trước Tết Nguyên Đán nhiều gia đình lo tập trung chuẩn bị Tết nên không tham gia các tour du lịch.

2. Chỉ số giá

Tình hình giá cả tháng 1 nhìn chung ổn định, do nguồn cung các mặt hàng đều dồi dào, chỉ số giá tháng 1 giảm 0,48% so tháng 12/2014, năm trước tháng 1/2014 tăng 0,4% so tháng 12/2013.

Trong 11 nhóm hàng có 4 nhóm hàng giá giảm, với mức giảm cao nhất là nhóm giao thông (-4,8%) do tác động giá xăng dầu giảm 9,67%; 3 nhóm còn lại là nhà ở điện nước, thiết bị đồ dùng và bưu chính viễn thông giảm nhẹ với mức giảm lần lượt là -1,5%; -0,03% và -0,16%. Có 5 nhóm hàng tăng giá, nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng cao nhất với mức 0,92%; ăn uống tăng 0,2%; đồ uống thuốc lá tăng 0,22%; may mặc tăng 0,19% và văn hóa giải trí tăng 0,10%. Hai nhóm giáo dục và y tế không có biến động.

Một số mặt hàng biến động trong tháng: thịt gia súc tươi sống (+0,21%); thịt gia cầm tươi sống (-0,25%); thịt chế biến (+0,28%); trứng các loại (-0,05%); dầu mỡ chất béo (-0,47%); thủy hải sản tươi sống(+0,52%); thủy hải sản chế biến (+0,93%); rau các loại (+1,38%); trái cây (-0,25%); sữa bơ các loại (+0,28%); áo quần may sẵn (+0,19%), ga (-6,98%), xăng dầu (-9,67%)...

Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và tỷ giá USD

	Đơn vị tính: %			
	Tháng 1 so với tháng cùng kỳ năm trước		Tháng 1 so với tháng 12 năm trước	
	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ số giá tiêu dùng	105,16	100,76	100,40	99,52
Trong đó: Lương thực	97,38	99,96	100,33	100,07
Thực phẩm	104,23	103,51	100,19	100,34
2. Chỉ số giá vàng	76,05	100,15	98,63	99,80
3. Chỉ số giá USD	101,38	101,74	99,96	100,58

So với tháng 1/2014 chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,76%, thấp hơn nhiều so với mức tăng tháng 1/2014 so tháng 1/2013 (+5,16%).

Giá vàng giảm 0,2% so tháng 12/2014, tăng 0,15% so tháng 1/2014; tỷ giá USD tăng 0,58% so tháng 12/2014 và tăng 1,74% so tháng 1/2014.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu của các doanh nghiệp tháng 1 ước đạt 2.318,7 triệu USD, giảm 11% so tháng trước, giảm 3,3% so cùng kỳ.

Nếu không tính giá trị xuất khẩu dầu thô: tổng trị giá hàng hoá xuất khẩu đạt 2.028,7 triệu USD, giảm 5,9% so tháng trước, tăng 9,1% so cùng kỳ.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố xuất qua cửa khẩu thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu tháng 1 ước đạt 1.950,7 triệu USD, giảm 18,1% so tháng trước. Khu vực kinh tế trong nước 1.031,5 triệu USD, chiếm 52,9%, giảm 22%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 919,3 triệu USD, chiếm 47,1%, giảm 13,4%.

**Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế
(không tính dầu thô)**

	Tháng 1/2015		% so sánh tháng 1/2015 với	
	Trị giá (triệu USD)	Cơ cấu (%)	Tháng 12/2014	Tháng 1/2014
Tổng số	1.660,7	100,0	85,9	90,8
Kinh tế trong nước	741,5	44,6	85,0	76,6
Kinh tế Nhà nước	48,9	2,9	71,9	23,9
Kinh tế Ngoài nhà nước	692,6	41,7	86,1	90,6
Kinh tế có vốn nước ngoài	919,3	55,4	86,6	106,9

Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu trong tháng đầu năm 2015:

+ Xuất khẩu gạo: ước đạt 61 ngàn tấn, trị giá 27,7 triệu USD, giảm 81,8% so tháng cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 1,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô (lượng giảm 81,1%, giá gạo bình quân giảm 3,5%)

+ Cà phê: ước đạt 21,6 ngàn tấn, trị giá 43,4 triệu USD, giảm 29,1% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 2,6% (lượng giảm 35,7%, giá cà phê bình quân tăng 10,2%).

+ Thủy sản: ước đạt 47,9 triệu USD, giảm 26,6% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 2,9% tổng kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô.

+ Hàng may mặc ước đạt 425,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 25,6%, giảm 11,6% so cùng kỳ. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 46,4%, tăng 8,6%; khu vực trong nước chiếm 53,6% giảm 14%. Thị trường chủ yếu vẫn là Mỹ, Hàn Quốc và Nhật chiếm hơn 68%.

+ Hàng giày dép ước xuất 213,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 12,9%, tăng 13,4% so cùng kỳ. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 79,5%, tăng 24%; khu vực trong nước chiếm 20,5% giảm 15%. Thị trường chủ đạo là Mỹ, Đức, Nhật chiếm gần 50%.

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: ước xuất đạt 283,6 triệu USD, tăng 50,5% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 17,1% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không kể giá trị dầu thô. Khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 99,6% tăng 50,9%; khu vực trong nước chiếm 0,4% giảm 9,4%.

+ Mặt hàng dầu thô: ước đạt 770 ngàn tấn, tăng 23,7%, về trị giá kim ngạch xuất đạt 290 triệu USD, giảm 46,1%, do giá bình quân giảm 56,4% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 1 ước đạt 2.391,9 triệu USD, giảm 20,1% so với tháng trước, tăng 29,2% so tháng cùng kỳ.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn nhập qua cửa khẩu thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 1 ước đạt 2.322,1 triệu USD, giảm 14% so với tháng trước và tăng 41,2% so tháng cùng kỳ.

Khu vực kinh tế trong nước 1.508,4 triệu USD, chiếm 65%, giảm 14,2 so tháng trước, tăng 36,5% so cùng kỳ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 813,8 triệu USD, chiếm 35%, giảm 13,6% so tháng trước, tăng 50,9% so cùng kỳ.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong tháng 1 năm 2015:

- + Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 30,3 triệu USD, giảm 18,7%.
- + Nhiên liệu: về lượng ước nhập 26,8 ngàn tấn, giảm 62,7%, và kim ngạch đạt 15,2 triệu USD, giảm 76,6% là do giá bình quân giảm 37,2%.
- + Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 61,6 triệu USD, tăng 42,4%.
- + Vải các loại nhập 182,4 triệu USD, tăng 38,5%
- + Sắt thép đạt 111,2 triệu USD, tăng 77,5%.
- + Tân dược đạt 97 triệu USD, tăng 19,1%.
- + Dầu mỡ động thực vật đạt 15,4 triệu USD, tăng 41,9%.

VI. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 1 ước đạt 6.446,2 tỷ đồng, giảm 1,6% so với tháng trước và tăng 18,7% so cùng kỳ (1/2014).

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách

	Doanh thu tháng 1 (tỷ đồng)		% so sánh tháng 1/2015 với tháng 1/2014	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	4.564,3	1.882,0	124,6	106,6
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	619,0	126,9	116,0	102,5
Kinh tế ngoài nhà nước	3.914,6	1.571,4	125,9	114,7
Kinh tế có vốn nước ngoài	30,6	183,7	148,9	67,8
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	2.551,8	1.696,6	125,2	111,5
Đường sông	423,3	35,4	126,1	118,5
Đường biển	1.582,1		123,5	
Đường hàng không	7,1	150,0	97,0	70,2

* **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu 4.564,3 tỷ đồng, tăng 24,6% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm 55,9%, tăng 25,2%. Vận tải đường biển chiếm 34,7%, tăng 23,5%.

* **Vận tải hành khách:** Doanh thu ước đạt 1.882 tỷ đồng, tăng 6,6% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm 90,1%, tăng 11,5%, đường hàng không chiếm 8%, giảm 29,8%, nguyên nhân do tháng 1 năm nay chưa phải là cao điểm dịp Tết Nguyên Đán.

VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính

Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 1 ước thực hiện 26.954 tỷ đồng, đạt 10,1% dự toán, tăng 27,7% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 16.700 tỷ đồng, đạt 11,6% dự toán, tăng 28,3% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 2.500 tỷ đồng, đạt 7,8% dự toán, giảm 9,9% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 7.600 tỷ đồng, đạt 8,4% dự toán, tăng 48,9%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2015 (Tỷ đồng)		% thực hiện tháng 1 năm 2015 so với	
	Dự toán	Ước TH tháng 1	Dự toán	Tháng 1/2014
Tổng thu	267.926	26.954	10,1	127,7
Tổng thu cân đối ngân sách NN	265.776	26.800	10,1	128,3
I- Thu nội địa	143.776	16.700	11,6	128,3
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	28.200	3.410	12,1	118,7
2. Khu vực ngoài nhà nước	33.600	4.606	13,7	131,9
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	42.023	5.334	12,7	141,6
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	90.000	7.600	8,4	148,9
III- Thu từ dầu thô	32.000	2.500	7,8	90,1

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 3.410 tỷ đồng, chiếm 20,4% tổng thu nội địa, tăng 18,7% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 2.166 tỷ đồng, đạt 12,1% dự toán, tăng 27,6%; Nhà nước địa phương 1.244 tỷ đồng, đạt 12,1% dự toán, tăng 5,7%. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 4.606 tỷ đồng, chiếm 27,6%, tăng 31,9% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 5.334 tỷ đồng, chiếm 31,9%, tăng 41,6%. Thu khác đạt 3.350 tỷ đồng, tăng 16,1%; trong đó thuế thu nhập cá nhân 2.050 tỷ đồng, tăng 21,2%, Thu tiền sử dụng đất 400 tỷ đồng, tăng 18,4%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương tháng 1 ước đạt 4.817 tỷ đồng, đạt 9% dự toán, tăng 8,1% so cùng kỳ năm 2014.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) tháng 1 ước thực hiện 1.778 tỷ đồng, đạt 3,3% dự toán, tăng 3% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2015 (Tỷ đồng)		% thực hiện tháng 1 năm 2015 so với	
	Dự toán	Ước TH tháng 1	Dự toán	Tháng 1/2014
Tổng chi (trừ tạm ứng)	54.616	1.778	3,3	103,0
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	21.376	200	0,9	126,5
Trong đó: trả lãi và vốn vay	4.416	-	-	-
II- Chi thường xuyên	31.500	1.578	5,0	100,7
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	4.210	129	3,1	101,1
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	8.759	642	7,3	100,2
Sự nghiệp y tế	3.127	66	2,1	101,1
Quản lý hành chính	4.942	382	7,7	101,1

Chi đầu tư phát triển 200 tỷ đồng, đạt 0,9% dự toán, tăng 26,5% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 1.578 tỷ đồng, tăng 0,7% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 129 tỷ đồng, tăng 1,1%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 642 tỷ đồng, tăng 0,2%; chi sự nghiệp y tế 66 tỷ đồng, tăng 1,1%; chi quản lý hành chính 382 tỷ đồng, tăng 1,1%; chi đảm bảo xã hội tăng 0,7%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 1,2%.

2. Tín dụng ngân hàng

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 01 đạt 1.293,7 ngàn tỷ đồng, tăng 0,3% so tháng trước (chỉ số này tháng trước là +2,0%) và tăng 10,5% so với tháng cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 55,7% tổng vốn huy động, tăng 10,4% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 15,6%, tăng 7,6% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ chiếm 84,4% tổng vốn huy động, tăng 11,0% so tháng cùng kỳ. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm chiếm 55,3%, tăng 13,1% so với tháng cùng kỳ.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 01 đạt 1.057,7 ngàn tỷ đồng, tăng 1,9% so tháng trước, cao hơn mức tăng chỉ số của tháng 12/2014 (tháng 12: +1,3%), dư nợ tăng 11,0% so với tháng cùng kỳ.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 585,4 ngàn tỷ đồng, chiếm 55,3% tổng dư nợ, tăng 11,0% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 176,7 ngàn tỷ đồng, chiếm 16,7% tổng dư nợ, tăng 16,9% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 881 ngàn tỷ đồng chiếm 83,3% tổng dư nợ, tăng 9,9% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung, dài hạn chiếm 50,3%, tăng 23,8% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng ngắn hạn chiếm 49,7% tăng 0,5% so tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 12/2014, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 306 gồm 305 mã cổ phiếu và 1 mã quỹ ETF, tăng 1 mã cổ phiếu và giảm 1 mã chứng chỉ quỹ so với tháng 11/2014 (ngày 01/12/2014 mã cổ phiếu SFG của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam giao dịch ngày đầu tiên, ngày 08/12/2014 mã cổ phiếu CAV của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam giao dịch ngày đầu tiên, ngày 31/12/2014 hủy

niêm yết mã cổ phiếu ALP của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam và hủy niêm yết mã chứng chỉ quỹ ASIAGF của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB). Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 985.448,32 tỷ đồng, tăng 17,0% so với cuối năm 2013. Trong tháng 12/2014 có 23 phiên giao dịch, 14 phiên tăng điểm và 9 phiên giảm điểm. Mặc dù trong tháng có ít phiên giảm điểm hơn nhưng mức giảm ở những phiên này khá mạnh nên VN-Index kết thúc năm với sự sụt giảm khá nhiều. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 545,63 điểm, giảm 20,95 điểm (tương ứng giảm 3,7%) so với cuối tháng trước và tăng 41,00 điểm (tương ứng tăng 8,1%) so với cuối năm 2013.

Khối lượng giao dịch của tháng 12/2014 đạt 2.623,54 triệu chứng khoán, giảm 2,8% so với tháng 11/2014. Giá trị giao dịch của tháng đạt 49.086,35 tỷ đồng, tăng 3,6% so tháng 11/2014. Trung bình mỗi phiên có 114,07 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 2.134,19 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 15,5% và giá trị giao dịch giảm 9,9% so với tháng 11/2014.

Trong năm 2014, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 02/01 với 504,51 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 03/09 với 640,75 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 12/2014	Cả năm 2014	Tháng 12 so tháng 11	Cả năm 2014 so với 2013
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	2.623,54	30.500,54	97,2	188,2
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	2.617,89	30.447,60	97,4	189,4
Trái phiếu	4,70	33,65	103,3	75,3
Chứng chỉ quỹ & ETF	0,95	19,29	16,8	22,0
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.325,80	28.372,36	93,1	191,3
Giao dịch thỏa thuận	297,74	2.128,18	149,6	154,6
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	49.086,35	536.442,98	103,6	201,9
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	48.571,02	533.052,64	103,6	204,3
Trái phiếu	506,44	3.198,08	110,8	81,8
Chứng chỉ quỹ & ETF	8,89	192,26	15,7	21,2
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	38.747,42	466.398,93	92,0	212,4
Giao dịch thỏa thuận	10.338,93	70.044,05	196,8	151,7

Cập nhật đến ngày 15/01/2015, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 308 chứng khoán. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 1.049.977,45 tỷ đồng, tăng 6,5% so với cuối năm 2014. VN-Index tại ngày 15/01/2015 đạt 577,74 điểm, tăng 32,11 điểm so với cuối năm 2014 (tương ứng tăng 5,9%).

VIII. HOẠT ĐỘNG Y TẾ - VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/11/2014 đến 15/12/2014)

- **Tội phạm kinh tế:** Đã phát hiện, xử lý 106 vụ vi phạm kinh tế, trong đó có 03 vụ buôn lậu; 08 vụ buôn bán, vận chuyển hàng ngoại nhập lậu; 21 vụ kinh doanh

hàng hóa trái phép, trốn thuế; 50 vụ buôn bán, vận chuyển hàng cấm; 13 vụ kinh doanh hàng hóa không hóa đơn, chứng từ; 06 vụ sản xuất, buôn bán hàng giả - vi phạm sở hữu công nghiệp; 03 vụ lừa đảo - lạm dụng chiếm đoạt tài sản; 01 vụ cố ý làm trái; 01 vụ vi phạm quy định về cho vay. Thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 2,4 tỷ đồng.

Phát hiện 19 trường hợp vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh. Đã ra quyết định xử lý hành chính 24 vụ (bao gồm các vụ từ tháng trước chuyển qua), nộp Kho bạc Nhà nước khoảng 3,8 tỷ đồng.

- **Tội phạm hình sự:** Đã xảy ra 546 vụ phạm pháp, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước, làm chết 12 người, bị thương 95 người và thiệt hại tài sản trị giá khoảng 18,6 tỷ đồng. Các vụ phạm pháp hình sự chủ yếu là: giết người 08 vụ, cướp tài sản 23 vụ, cướp giật 88 vụ, cố ý gây thương tích 40 vụ, trộm cắp tài sản 306 vụ, cưỡng đoạt tài sản 01 vụ, giao cấu với trẻ em 07 vụ, lừa đảo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 27 vụ, chống người thi hành công vụ 07 vụ, bắt giữ người trái pháp luật 02 vụ, án khác 37 vụ. Đã điều tra khám phá 351 vụ, bắt 459 người vi phạm.

- Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

+ **Ma túy:** Số vụ vi phạm về ma túy trên địa bàn thành phố trong tháng là 156 vụ, trong đó: 127 vụ mua bán – tàng trữ, bắt 220 người vi phạm và 29 vụ sử dụng trái phép chất ma túy, bắt 81 người vi phạm. Đã khởi tố 125 vụ, bắt 169 người vi phạm, xử lý hành chính 31 vụ với 132 người vi phạm.

Lập hồ sơ xử lý người nghiện ma túy không nơi cư trú ổn định trên địa bàn thành phố, đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc từ ngày 05/12/2014 đến ngày 29/04/2015. Kết quả ban đầu đến ngày 18/12/2014, toàn thành phố đã tổ chức kiểm tra, xử lý 3.896 đối tượng (trong đó có 525 nữ), có 2.228 đối tượng có kết quả test dương tính với ma túy (trong đó: 1.326 đối tượng đã có quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã/phường/thị trấn).

+ **Mại dâm và các tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 04 vụ tổ chức, mua bán dâm, lập hồ sơ xử lý 16 người vi phạm. Kiểm tra lập biên bản 83 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Đã lập hồ sơ xử lý 22 vụ tổ chức cờ bạc với 158 người tham gia, thu giữ trên 175 triệu đồng và nhiều hiện vật.

- **Tai nạn giao thông đường bộ:** Xảy ra 355 vụ tai nạn, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước, làm chết 60 người, bị thương 23 người.

Đã lập biên bản hành chính 28,2 ngàn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tạm giữ 2.214 xe các loại, tước giấy phép lái xe 2.677 trường hợp... chuyển Kho bạc Nhà nước trên 8,9 tỷ đồng thu phạt vi phạm.

- **Tai nạn giao thông đường sắt:** xảy ra 01 vụ, làm chết 01 người.

- **Tình hình cháy, nổ:** Trong tháng đã xảy ra 22 vụ cháy, giảm 35,3% (-12 vụ) vụ so với cùng kỳ năm trước, làm bị thương 07 người, thiệt hại tài sản ước trị giá khoảng 115,6 triệu đồng (có 09 vụ chưa ước tính được thiệt hại). Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố và vi phạm các quy định trong sử dụng điện.

Trong tháng trên địa bàn thành phố không xảy ra vụ nổ nào.

2. Giải quyết việc làm

Ước trong tháng 01/2015, các khu vực kinh tế trên địa bàn thành phố thu hút và giải quyết việc làm cho 23,1 ngàn lao động, tăng 7,65% so với cùng kỳ 2014; trong đó lao động có việc làm ổn định là 16,4 ngàn người (chiếm 71% so với tổng số lao động được giải quyết việc làm). Số chỗ việc làm mới tạo ra là 9,5 ngàn chỗ.

3. Thực hiện bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 09/01/2015 đã có 4,3 ngàn người lao động tới đăng ký thất nghiệp tại Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố, số người nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp là 4,1 ngàn người. Đã có 4,1 ngàn người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp (bao gồm những trường hợp của năm 2014 chuyển sang).

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh tháng 1 năm 2015.



CỤC THÔNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THÔNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733